

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/DS-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng
2. Ông Trần Hoàng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63A/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Song T** –Trưởng Phòng giao dịch T (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2021) (Có mặt).

Địa chỉ: Số 45 Quốc lộ N, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

*** Bị đơn: Bà Bùi Thị X**, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 561 ấp Càng, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngày 02/7/2020, bà Bùi Thị X có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Family (Hợp đồng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

- Hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân;
- Lãi suất trong hạn: 2,6%/tháng;
- Lãi suất quá hạn: 3,9%/tháng (2,6% x 150%);
- Thời hạn Hợp đồng: 03 năm (Từ 02/7/2020 – 02/7/2023). Thời hạn ghi trên thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Bùi Thị X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.836.300 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng được áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngoài ra, bà Bùi Thị X còn phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/3/2021, bà X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.300.000 đồng. Số tiền mà bà X đã trả bao gồm tiền phí 200.000 đồng, phí trễ hạn 829.324 đồng, phí vượt hạn mức 300.000 đồng và tiền lãi 3.970.676 đồng. (Tiền lãi tính đến ngày 22/3/2021 là 6.740.768 đồng, đã trả được 3.970.676 đồng, còn nợ lãi 2.770.092 đồng), tiền gốc thì chưa trả được. Tính đến ngày 22/3/2021, bà X đã trả đủ tiền phí, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và nợ lại tiền lãi 2.770.092 đồng, tiền gốc 29.836.300 đồng. Tổng cộng là 32.606.392 đồng (2.770.092 đ + 29.836.300 đ). Theo quy định của Ngân hàng thì số tiền 32.606.392 đồng là tiền gốc.

Đến ngày 22/7/2021 bà X trả cho Ngân hàng 700.000 đồng, ngày 22/10/2021 trả 1.500.000 đồng và ngày 22/12/2021 trả 500.000 đồng. Tổng cộng là 2.700.000 đồng. Theo đại diện nguyên đơn thì đây là số tiền bà X trả vào nợ gốc nên số tiền gốc bà X còn nợ là 29.906.392 đồng (32.606.392 đ – 2.700.000 đ). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà X đã không thực hiện đúng như hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Thị X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2022 là 52.178.410 đồng (Bao gồm tiền gốc là 29.906.392 đồng và tiền lãi quá hạn là 22.272.018 đồng).

Và bà X phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị X không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 89/TB-TLVA ngày 13 tháng 6 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Bùi Thị X nhưng bà X không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà X đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tính đến ngày 29/9/2022 là 52.178.410 đồng (Bao gồm tiền gốc là 29.906.392 đồng và tiền lãi quá hạn là 22.272.018 đồng). Theo đại diện nguyên đơn trình bày tính đến ngày 22/3/2021, bà X đã trả đủ tiền phí, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và nợ lại tiền lãi 2.770.092 đồng, tiền gốc 29.836.300 đồng. Tổng cộng là 32.606.392 đồng. Sau đó, bà X đã trả được nợ gốc 2.700.000 đồng. Do đó, số tiền gốc bà X còn nợ là 27.136.300 đồng chứ không phải 29.906.392 đồng. Do nguyên đơn tính tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc 29.906.392 đồng là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị X trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 52.178.410 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn bà Bùi Thị X đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa

án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 02/7/2020, bà Bùi Thị X có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP S với số tiền vay là 30.000.000 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đại diện nguyên đơn trình bày tính đến 22/3/2021, bà X còn nợ lại tiền lãi 2.770.092 đồng, tiền gốc 29.836.300 đồng. Tổng cộng là 32.606.392 đồng. Đến ngày 22/7/2021 bà X trả cho Ngân hàng 700.000 đồng, ngày 22/10/2021 trả 1.500.000 đồng và ngày 22/12/2021 trả 500.000 đồng. Số tiền đã trả này được tính vào nợ gốc. Do đó, tiền lãi quá hạn được tính như sau:

+ Tiền lãi từ ngày 23/3/2021 – 22/7/2021: 3 tháng 29 ngày.

$29.836.300 \text{ đ} \times 3,9\% \times 3 + ((29.836.300 \text{ đ} \times 3,9\%) : 30) \times 29 = 4.615.676 \text{ đ}.$

Ngày 22/7/2021, bà X trả nợ gốc 700.000 đồng nên nợ gốc còn 29.136.300 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 23/7/2021 – 22/10/2021: 2 tháng 29 ngày.

$29.136.300 \text{ đ} \times 3,9\% \times 2 + ((29.136.300 \text{ đ} \times 3,9\%) : 30) \times 29 = 3.371.070 \text{ đ}.$

Ngày 22/10/2021, bà X trả nợ gốc 1.500.000 đồng nên nợ gốc còn 27.636.300 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 23/10/2021 – 22/12/2021: 1 tháng 29 ngày.

$27.636.300 \text{ đ} \times 3,9\% \times 1 + ((27.636.300 \text{ đ} \times 3,9\%) : 30) \times 29 = 2.119.702 \text{ đ}.$

Ngày 22/12/2021, bà X trả nợ gốc 500.000 đồng nên nợ gốc còn 27.136.300 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 23/12/2021 – 29/9/2022: 10 tháng 3 ngày.

$27.136.300 \text{ đ} \times 3,9\% \times 10 + ((27.136.300 \text{ đ} \times 3,9\%) : 30) \times 3 = 10.688.989 \text{ đ}.$

Tổng cộng tiền lãi: $4.615.676 \text{ đ} + 3.371.070 \text{ đ} + 2.119.702 \text{ đ} + 10.688.989 \text{ đ} = 20.795.437 \text{ đ}.$

Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 47.931.737 đồng ($27.136.300 \text{ đ} + 20.795.437 \text{ đ}$).

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/7/2020 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) giữa Ngân hàng với bà Bùi Thị X là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng với bà Bùi Thị X là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Bùi Thị X đã không thực hiện đúng như hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà X vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 23/3/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Việc bà Bùi Thị X không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà còn vi phạm các quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S

+ Buộc bà Bùi Thị X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín tổng số tiền là: 47.931.737 đồng (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng) (Trong đó tiền vốn gốc là 27.136.300 đồng + tiền lãi quá hạn 20.795.437 đồng).

+ Kể từ ngày 30/9/2022, bà Bùi Thị X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với số tiền 4.246.673 đồng (Bốn triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng) (52.178.410 đ – 47.931.737 đ).

- Về án phí:

+ Bà Bùi Thị X phải chịu 2.396.587 đồng (Hai triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngân hàng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp 871.324 đồng (Tám trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004017 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn thừa là 571.324 đồng (năm trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng).

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Bùi Thị X được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Trân